

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **723** /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình
phần Công trình đầu mối thủy lợi, Hồ chứa nước Cửa Đạt, tỉnh Thanh Hoá.
(Bổ sung hạng mục đập phụ Bản Trác)**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 và số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2008 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ);

Căn cứ Luật xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/5/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Luật liên quan đến Đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội khóa 11 và khóa 12 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009, số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về Quản lý dự án đầu tư (DAĐT) xây dựng công trình; số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004, số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 về Quản lý chất lượng công trình xây dựng; số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007, số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 348/QĐ-TTg ngày 07/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc đầu tư dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt, tỉnh Thanh Hoá;

Căn cứ Quyết định số 3626/QĐ-BNN-XD ngày 16/11/2007 của Bộ phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung DAAĐT xây dựng phần Công trình đầu mối thủy lợi, Hồ chứa nước Cửa Đạt, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ văn bản số 1312/UBND-NN ngày 14/3/2011 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc Chủ trương dịch chuyển đoạn tuyến bị ngập trên tuyến đường tránh đập phụ Dốc Cáy, huyện Thường Xuân. Trong đó *“Đề nghị Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Thủy lợi 3 (chủ đầu tư hợp phần Công trình đầu mối dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt, tỉnh Thanh Hoá) có trách nhiệm báo cáo Bộ để đầu tư xây dựng tuyến đập phụ (chiều dài khoảng 300m). Từ nguồn vốn đầu tư Công trình đầu mối Hồ chứa nước Cửa Đạt (bao gồm cả kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng)”*;

Xét Tờ trình số 06/TT-BQLĐT-TĐ ngày 25/3/2011 của Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Thủy lợi 3 (Ban 3); kèm hồ sơ thiết kế của Tổng công ty Tư vấn xây Thủy lợi Việt Nam – CTCP (HEC) và báo cáo thẩm tra của Tư vấn thẩm tra (TVTT) là Công ty TNHH xây dựng Hồng Hà về việc xin phê duyệt bổ sung hạng mục Đập phụ Bản Trác vào DAAĐT phần Công trình đầu mối thủy lợi, Hồ chứa nước Cửa Đạt, tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, kèm Báo cáo thẩm định số 300/XD-TĐ ngày 01/4/2011.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung hạng mục Đập phụ Bản Trác vào Quyết định số 3626/QĐ-BNN-XD ngày 16/11/2007 của Bộ phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung DADT xây dựng phần Công trình đầu mối thủy lợi, Hồ chứa nước Cửa Đạt, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung sau:

1. Tên dự án và hạng mục bổ sung.

- Tên dự án: Công trình đầu mối thủy lợi, Hồ chứa nước Cửa Đạt, tỉnh Thanh Hoá.
- Tên hạng mục bổ sung: Đập phụ Bản Trác.

2. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất.

2.1. Địa điểm xây dựng:

Xã Lương Sơn, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

2.2. Diện tích sử dụng đất:

- Diện tích chiếm đất tạm thời: 3,0 ha.
- Diện tích chiếm đất vĩnh viễn: 3,6 ha.

3. Cấp quyết định đầu tư.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

4. Hình thức đầu tư.

Xây dựng mới

5. Chủ đầu tư.

Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Thủy lợi 3 (Ban 3).

6. Nhà thầu Tư vấn khảo sát, lập DADT và chủ nhiệm công trình.

- Tổng công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam – CTCP (HEC).
- Chủ nhiệm: KS. Thủy lợi - Ngô Văn Cửu.

7. Các tiêu chuẩn thiết kế.

7.1. Cấp công trình.

Theo tuyến chắn nước của Công trình đầu mối thủy lợi là cấp I.

7.2. Tần suất thiết kế tính toán.

Theo tuyến chắn nước của Công trình đầu mối thủy lợi:

- Lũ thiết kế: $P = 0,1\%$.
- Lũ kiểm tra: $P = 0,01\%$.

8. Tuyến công trình.

Chọn phương án tuyến PAT2.

9. Quy mô, thông số kỹ thuật chủ yếu và kết cấu các hạng mục công trình.

9.1. Đập đất: gồm đoạn 1 và đoạn 2.

a. Thông số kỹ thuật chủ yếu:

STT	Các thông số kỹ thuật đập đất	Đơn vị	Trị số
1	Hình thức		đập đất

STT	Các thông số kỹ thuật đập đất	Đơn vị	Trị số
3	Cao độ mặt đập	m	+121,70
4	Chiều rộng mặt đập	m	6,00
5	Chiều cao đập lớn nhất tại tim đập		
	- Đoạn 1	m	12,0
	- Đoạn 2	m	6,8
6	Chiều dài đỉnh đập		
	- Đoạn 1	m	79,20
	- Đoạn 2	m	36,40
7	Độ dốc mái:		
	- Thượng lưu		1:3; 1:3,5; 1:4,0
	- Hạ lưu		1:2,5
8	Gia cố mái thượng lưu		BTCT
9	Gia cố mái hạ lưu		lát gạch block tự chèn

b. Kết cấu công trình:

- Đỉnh đập: mặt bằng bê tông (BT). Phía thượng lưu làm tường chắn sóng bằng bê tông cốt thép (BTCT) và bố trí hệ thống điện chiếu sáng cao áp. Phía hạ lưu làm gờ chắn BT.

- Thân đập: đắp bằng đất đào móng đập và đất khai thác từ mỏ vật liệu; hệ số thấm $k \leq 1 \times 10^{-5} \text{cm/s}$; dung trọng khô $\gamma \geq$ từ $(1,40+1,68)T/m^3$, hệ số đầm chặt $K \geq 0,97$.

- Xử lý nền đập :

+ Đoạn 1: Bóc lớp đất thải từ công tác đào đường khi thi công đường tránh khu Dốc Cây ở phía thượng lưu và tận dụng lại một phần để đắp phần dưới phía thượng lưu. Bóc lớp thảo mộc bề mặt nền là đất nguyên thổ.

+ Đoạn 2: nền đập là đất nguyên thổ, bóc lớp thảo mộc bề mặt.

- Mái thượng lưu bố trí 2 cơ ở cao trình +100m và +110m, rộng 4,0m. Gia cố bảo vệ mái bằng tấm BTCT đổ tại chỗ trên các lớp bao tải xi măng, lớp lọc bằng sỏi và cát.

- Mái hạ lưu bảo vệ bằng gạch block đúc sẵn.

9.2. Công trình phục vụ thi công và quản lý vận hành:

a. Mặt bằng thi công: bố trí ở hạ lưu đập, gồm các hạng mục: khu hành chính quản trị; khu nhà ở công nhân, khu công xưởng phụ trợ, khu cơ giới, khu sản xuất, bãi thải đất đào móng đập.

b. Đường thi công kết hợp quản lý: từ đường tránh Bát Mọt cũ ở hạ lưu đập lên vai trái đỉnh đập đoạn 2 và nối vào vai phải đỉnh đập đoạn 1, tổng cộng dài 425 m (chưa kể đoạn tận dụng đường tránh Bát Mọt cũ nối với đoạn đường làm lại). Đường cấp V; độ dốc dọc $i_d \leq 10\%$; độ dốc ngang mặt đường $i_n = 3\%$; đào rãnh thoát nước hình thang, kết cấu đá xây, đáy rộng $b_d = 0,4\text{m}$.

- Giai đoạn thi công: Nền đường rộng $B_n = 6,5\text{m}$; đầm nén chặt, hệ số đầm chặt $K \geq 0,98$; trên trải lớp cấp phối đá dăm tiêu chuẩn loại 1.

- Giai đoạn quản lý: Mặt đường đổ bằng đá dăm thấm nhựa $5,5 \text{kg/m}^2$ dày 10cm, rộng $B_m = 3,5\text{m}$.

c. Khu quản lý: bố trí trên đồi ở giữa hai đoạn đập (đã khai thác vật liệu đất để đắp đập) cao trình +122,0m, diện tích đất khoảng 2.500m^2 , gồm các hạng mục:

- Khu nhà quản lý diện tích đất 900 m² gồm: Nhà quản lý một tầng cấp IV, bố trí chỗ làm việc, ăn ở, kho; diện tích xây dựng 120m²; nhà khung cột BTCT chịu lực, gạch xây bao, mái dốc BTCT dán ngói, chống nóng bằng trần BTCT, nền lát gạch tráng men. Sân đường nội bộ. Bồn hoa cây cảnh. Hàng rào và cổng ...

- Khu để vật liệu phòng chống bão lụt diện tích đất 600m².

- Khu lâm viên diện tích đất 1.000m².

d. Diên phục vụ sinh hoạt và chiếu sáng quản lý công trình:

+ Xây dựng đường dây cao thế dài 400m, dự kiến nối từ đường dây 35kV Lương Sơn thuộc lộ 374 E93, huyện Thường Xuân. Dây dẫn AC - 50, cột BTCT ly tâm.

+ Xây dựng 01 trạm biến áp 30 kVA - 35/0,4 kV tại khu nhà quản lý.

e. Hệ thống quan trắc: quan trắc thấm và chuyển vị tại hai mặt cắt có chiều cao đập lớn nhất ở đoạn 1 & đoạn 2.

10. Khối lượng chủ yếu:

- Đào đất: 70.902 m³

- Đất đắp: 59.200 m³

- Bê tông các loại: 1.260 m³

- Thép các loại: 16 tấn.

11. Kinh phí và nguồn vốn đầu tư.

11.1. Kinh phí đầu tư :

Theo đơn giá quý I/2011 tổng cộng là **24.834.318.000.000đ** (hai mươi bốn tỷ, tám trăm ba tư triệu, ba trăm mười tám nghìn đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng: 16.835.558.000đ

- Chi phí thiết bị: 84.579.000đ

- Chi phí quản lý dự án: 338.242.000đ

- Chi phí tư vấn: 3.038.719.000đ

- Chi phí khác: 611.561.000đ

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ di dân và tái định cư (BT, HTDD & TĐC): 686.400.000đ

- Chi phí dự phòng: 3.239.259.000đ

(Chi tiết xem Phụ lục Kinh phí đầu tư điều chỉnh, bổ sung kèm theo)

11.2. Nguồn vốn đầu tư:

Nguồn trái phiếu Chính phủ, lấy trong chi phí dự phòng của Tổng mức đầu tư phần Công trình đầu mối thủy lợi, Hồ chứa nước Cửa Đạt.

13. Thời gian hoàn thành.

- Hết tháng 5/2011 đắp phần thượng lưu đập đoạn 1 đến cao trình +105,0m;

- Hoàn thành cơ bản, đắp đập đến cao trình +122,0m trước ngày 31/8/2011;

- Hoàn thành toàn bộ công trình trước ngày 31/10/2011.

14. Bước thiết kế.

- Đập phụ thiết kế 3 bước: thiết kế cơ sở + kinh phí đầu tư (TKCS + KPĐT)), thiết kế kỹ thuật + tổng các dự toán (TKKT + TDT) và Bản vẽ thi công + Dự toán (BVTG + DT)

- Các hạng mục còn lại thiết kế 2 bước: TKCS + KPĐT và BVTC + DT.

15. Phương thức thực hiện.

15.1. Công tác tư vấn.

- Tư vấn thiết kế: HEC lập TKKT + TDT và BVTC + DT như Quyết định số 348/QĐ-TTg ngày 07/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ.
- Chỉ định thầu chọn Tư vấn thẩm tra.

15.2. Công tác xây lắp.

Áp dụng hình thức Tổng thầu xây dựng do Liên danh hình thành từ các Tổng công ty: Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam, Xây dựng Sông Đà, Cơ điện xây dựng nông nghiệp và thuỷ lợi, Xây dựng thuỷ lợi 4 do Tổng công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam làm nhà thầu chính như Quyết định số 348/QĐ-TTg ngày 07/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ.

16. Lưu ý trong giai đoạn lập TKKT và BVTC.

- Kiểm tra lại tính toán cao trình đỉnh đập (chú ý chọn chiều cao đập trong tính sóng leo). Nghiên cứu vi chỉnh tuyến đập để giảm khối lượng đắp đập. Cập nhật mực nước hồ để tính toán điều tiết; qua đó có biện pháp thi công phù hợp với thời gian cho phép, đảm bảo an toàn công trình.

- Đập đoạn 1: bổ sung tính toán ổn định mái đào (làm vai phải đập) của đường tránh Bát Mọt cũ. Chuẩn xác thiết kế mặt cắt ngang đập theo các lớp vật liệu đất sử dụng. Nghiên cứu các giải pháp: thoát nước mái hạ lưu và phân ở giữa mái hạ lưu với đường thi công kết hợp quản lý; đảm bảo giao thông đi Bát Mọt khi thi công và hoàn thành công trình.

- Làm việc với cơ quan điện lực Thanh Hoá về điểm đấu và công suất nguồn cho điện phục vụ công tác quản lý công trình.

- Bổ sung hồ sơ chi tiết công tác BT, HTDD & TĐC công trình.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ.

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cấp quyết định đầu tư, Bộ giao nhiệm vụ:

- Cục Quản lý XDCT chủ trì, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng công trình; chịu trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành.

- Giám đốc Ban 3 là chủ đầu tư phần Công trình đầu mối thuỷ lợi và hạng mục đập phụ Bản Trác (kể cả phần BT, HTDD & TĐC) đã ghi ở mục 11, Điều 1. Tổ chức triển khai thực hiện và bàn giao, đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn công trình theo đúng các quy định hiện hành. Phối hợp với các cơ quan chức năng của địa phương tỉnh Thanh Hoá về công tác BT, HTDD & TĐC và đảm bảo giao thông đi Bát Mọt khi thi công và hoàn thành công trình.

- HEC khẩn trương hoàn thành hồ sơ thiết kế để trình Ban 3 phê duyệt TKKT + TDT và BVTC + DT đập phụ Bản Trác theo đúng các quy định hiện hành. Phối hợp với Ban 3 và các cơ quan chức năng của địa phương tỉnh Thanh Hoá về thiết kế và thi công đoạn đường tránh đi Bát Mọt bị ngập trong lòng hồ.

2. UBND tỉnh Thanh Hoá:

- Phê duyệt phần BT, HTDD & TĐC của hạng mục đập phụ Bản Trác.
- Chỉ đạo các ngành trong tỉnh tổ chức thực hiện và phối hợp với Ban 3 trong phần BT, HTDD & TĐC và đảm bảo giao thông đi Bát Mọt; để việc triển khai thi công, hoàn thành công trình đúng tiến độ.

Điều 3. Quyết định này bổ sung Quyết định số 3626/QĐ-BNN-XD ngày 16/11/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng phần Công trình đầu mối thủy lợi, Hồ chứa nước Cửa Đạt, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ; Thủ trưởng các Cục, Vụ thuộc Bộ; các Tổng giám đốc Tổng công ty: Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP, Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam, Xây dựng Sông Đà, Xây dựng thủy lợi 4, Cơ điện xây dựng nông nghiệp & thủy lợi; Giám đốc Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Thủy lợi 3 và Thủ trưởng các đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Cao Đức Phát (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Hội đồng NTNT các công trình xây dựng (để b/c);
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, XD;
- UBND tỉnh Thanh Hoá (để phối hợp);
- Sở NN&PTNT Thanh Hoá;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu VT, XD (8b).

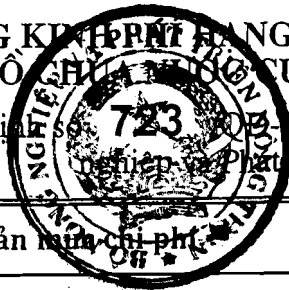
**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Hoàng Văn Thắng

**BỔ SUNG KINH PHÍ HÀNG MỤC ĐẬP PHỤ BẢN TRÁC
DỰ ÁN HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN SỬA ĐẠT, TỈNH THANH HOÁ**

(Kèm theo Quyết định số 723/QĐ-BNN-XD ngày 13/4/2011 của Bộ Nông
Phát triển nông thôn)



TT	Khoản kinh phí	Diễn toán	Kinh phí (VN đồng)
I	Chi phí xây dựng		16.835.558.000
A	Chi phí xây dựng công trình chính		16.061.014.000
1	Đập phụ Bản Trác		8.903.228.000
-	Đoạn 1		7.530.724.000
-	Đoạn 2		1.372.504.000
2	Khai thác vật liệu và mặt bằng		2.954.622.000
3	Đường quản lý và cống tiêu trên đường		1.482.709.000
4	Nhà quản lý	TT	1.200.000.000
5	Hệ thống quan trắc	TT	500.000.000
6	Hệ thống điện vận hành		1.020.455.000
B	Công trình phụ trợ phục vụ thi công		774.544.000
-	Mặt bằng thi công		107.516.000
-	Phục vụ thi công khác		667.028.000
II	Thiết bị điện vận hành		84.579.000
III	Chi phí bồi thường, hỗ trợ di dân tái định cư	TT	686.400.000
IV	Chi phí quản lý dự án	2,1990%	338.242.000
V	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		3.038.719.000
1	Chi phí lập dự án đầu tư	0,5858%	99.112.000
2	Chi phí khảo sát địa hình		959.258.000
3	Chi phí khảo sát địa chất		886.436.000
4	Chi phí thiết kế TKKT & BVTC	TT	596.927.000
5	Chi phí thẩm tra dự án đầu tư	0,1399%	9.466.000
6	Chi phí thẩm tra TKKT & BVTC	0,1399%	32.965.000
7	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	0,1354%	31.911.000
8	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng công trình	0,2576%	43.368.000
9	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm thiết bị	0,4390%	371.000
10	Chi phí giám sát thi công xây dựng công trình	1,9490%	328.129.000
11	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	0,9180%	776.000
12	Kiểm định chất lượng XDCT	TT	50.000.000
VI	Chi phí khác		611.561.000
1	Chi phí rà phá bom mìn	TT	420.921.000
2	Chi phí bảo hiểm công trình	0,68%	104.074.000
3	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	0,2034%	31.282.000
4	Chi phí kiểm toán	0,3267%	55.284.000
VII	Chi phí Dự phòng		3.239.259.000